

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023
CỦA HUYỆN THANH HÀ - TỈNH HẢI DƯƠNG

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
A	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH		15,48	0,71	14,77					14,64	0,13
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		15,48	0,71	14,77					14,64	0,13
I.1	Đất quốc phòng	CQP.	4,43	0,71	3,72					3,72	0,00
1	Xây dựng công trình quốc phòng tại xã Vĩnh Lập	CQP	2,03	-	2,03	CLN, NTS	Xã Vĩnh Lập	Tờ 9 (482-530,531,579...);Tờ 10 (185...188..194...206, 207...); Tờ 14 (98-100,139,145...202..)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Văn bản số 4688/BCH-TM ngày 05/11/2020của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất	2,03	-
2	Xây dựng công trình quốc phòng tại xã An Phượng	CQP	2,40	0,71	1,69	CLN	Xã An Phượng	Tờ số 3 (thửa 261, 289, 290, 306,304); Tờ 2 (thửa 314, 337,338-411-413-311-340-414-416, 308, 344, 345-385-417); Tờ 3 (378, 379,380)	Quy hoạch công trình quốc phòng giai đoạn 2012-2020	1,69	-
I.2	Đất an ninh	CAN.	11,05	0,00	11,05					10,92	0,13
3	Trụ sở Công an huyện Thanh Hà, thị trấn Thanh Hà	CAN	1,12	-	1,12	CLN	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 6 (thửa 893...940,844; Tờ 9 (thửa 12-26-90,80....)	Văn bản số 230/UBND-KTHT, ngày 23/9/2010, v/v thống nhất quy hoạch trụ sở mới Công an huyện Thanh Hà; Tổng cục Hậu cần - BCA có văn bản số 5342/H41-H45 ngày 27/9/2010, v/v chuyển địa điểm cơ sở làm việc Công an huyện Thanh Hà.	1,12	-
4	Trại tạm giam Công an tỉnh (Di chuyển Trại tạm giam Kim Chi)	CAN	9,80	-	9,80	CLN	Xã An Phượng	Tờ 6 (thửa 1,2,3,104,114,388...271...9 8.99.151.); tờ 1 (thửa 326,327...401.402...658..6 53...655.656-505....)	UBND tỉnh có văn bản số 782/UBND-VP, ngày 16/3/2020, v/v vị trí sử dụng đất an ninh - Trại tạm giam Công an tỉnh; Bộ Công an có văn bản số 1576/BCA-H02, ngày 11/5/2020, v/v di chuyển Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.	9,80	-
5	Công an xã Thanh Hải	CAN	0,13	-	0,13	CLN	Xã Thanh Hải	Tờ 12 (thửa 37), tờ 32 (thửa 246)	Phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	-	0,13

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI		522,67	78,42	442,22					396,73	45,49
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		443,61	71,10	372,53					328,79	43,74
1	Đất phát triển hạ tầng	DHT.	138,02	7,87	130,15					86,41	43,74
1.1	Đất giao thông	DGT.	61,96	4,00	57,96					57,96	0,00
6	Nâng cấp đường tỉnh 390B (Km0+909 - Km6+200, qua xã Hồng Lạc, Việt Hồng) và đoạn kéo dài nối ĐT.390 tránh trung tâm Thị trấn Thanh Hà	DGT.	24,48	-	24,48	LUC, CLN, HNK, ONT, DGT, DTL...	Xã Hồng Lạc, Xã Việt Hồng, Xã Thanh An, Xã Liên Mạc, Xã Cẩm Chế, TT Thanh Hà,	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4097/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và được UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh bổ sung Dự án theo Văn bản số 1370/UBND-VP của UBND tỉnh ngày 20/4/2021	24,48	-
7	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 390 (đoạn từ cầu Hợp Thanh đi đến cầu Quang Thanh)	DGT.	6,53	-	6,53	LUC, HNK, CLN, NTS, ONT	Xã Thanh Thủy, Xã Thanh Quang, Xã Thanh Cường	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư dự án	6,53	-
8	Dự án đầu tư xây dựng đường 396 kéo dài (đoạn nối đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	DGT.	6,53	-	6,53	LUC, BHK, DTL, DGT, ONT, TSN	Xã Vĩnh Lập, Xã Thanh Cường	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/6/2022 của HĐND tỉnh Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án	6,53	-
9	Quy hoạch, nâng cấp, mở rộng giao thông thị trấn Thanh Hà	DGT	2,00	-	2,00	CLN	Thị trấn Thanh Hà	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3046/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND huyện về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình	2,00	-
10	Cải tạo, nâng cấp đường từ chợ Nửa đến Đò Lạng, xã An Lương và cải tạo, nâng cấp đường trục xã An Phượng	DGT	2,50	1,00	1,50	CLN, ONT, DGT, DTL	Xã An Phượng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Xây dựng nông thôn mới nâng cao nâng cao; Phù hợp điều chỉnh QHSDD đến năm 2020	1,50	-
11	Bãi đỗ xe xã Thanh Thủy	DGT	2,21	-	2,21	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 288.. 374..375..378....429...500-501-505...)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1611-TB/HU ngày 15/5/2020 Thông báo Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy V/v xin chủ trương XD bãi đỗ xe xã Thanh thủy	2,21	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
12	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đoạn nối từ Km20+600 (ĐT 390) qua trung tâm xã đến Km 23+600 (ĐT 390)	DGT	1,88	-	1,88	LUC, ONT, CLN, DGT	Xã Tân An	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1065-TB/HU ngày 26/02/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện V/v xã Tân An thực hiện dự án	1,88	-
13	Tuyến đường giao thông nối đường tỉnh 390 (Km23+554/P) qua Đồng Giai với Cầu Điều (trên đường 190D) đi qua địa phận xã Tân An và xã Thanh Hải	DGT	3,74	-	3,74	LUC, ONT, CLN	Xã Tân An, Xã Thanh Hải, Xã An Phượng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1171-TB/HU ngày 21/4/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện về phương án hướng tuyến, quy mô tuyến	3,74	-
14	Đường giao thông nối tỉnh lộ 390 (Km22+00/P) với đê sông Thái Bình, đi qua địa phận xã Thanh Hải; Đường từ nhà mẫu giáo xóm 4 đi SVĐ; Tuyến từ cầu Hồ đi góc đa thôn Thừa Liệt; Tuyến từ đường 390 đi Cầu Điều xóm 4; Tuyến từ trường cấp 1 đi nhà văn hóa thôn Tiền Vĩ...	DGT	1,46	-	1,46	LUC, HNK, CLN, NTS, DTL, DGT	Xã Thanh Hải	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1558-TB/HU ngày 27/4/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về phương án hướng tuyến, quy mô tuyến đường giao thông nối tỉnh lộ 390 (Km22+00/P) với đê sông Thái Bình, đi qua địa phận xã Thanh Hải	1,46	-
15	Mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chế - Thanh Xuân (từ Km0+330 đến Km0+830)	DGT	0,38	-	0,38	CLN, HNK, DGT	Xã Cẩm Chế	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1598-TB/HU ngày 15/5/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về việc xã Cẩm Chế thực hiện Mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chế - Thanh Xuân (từ Km0+330 đến Km0+830)	0,38	-
16	Mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chế - Thanh Xuân (từ Km0+830 đến Km1+570; từ Km 1+850 đến Km2+250; từ Km2+520 đến K4+850)	DGT	2,40	-	2,40	LUC, CLN, DTL, NTS, DGT, ONT	Xã Liên Mạc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1600-TB/HU ngày 15/5/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về việc xã Liên Mạc thực hiện mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chế - Thanh Xuân (từ Km0+830 đến Km1+570; từ Km 1+850 đến Km2+250; từ Km2+520 đến K4+850)	2,40	-
17	Mở rộng, nâng cấp đường 390B (đoạn từ Km8+934.000 đến cầu Hương)	DGT	1,20	-	1,20	CLN	Xã Cẩm Chế	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1873-TB/HU ngày 13/8/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về điều chỉnh quy mô Mở rộng, nâng cấp đường 390B (đoạn từ Km8+934.000 đến cầu Hương)	1,20	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
18	Xây dựng tuyến đường nối ĐH.190Đ (Km3+294/P) với đường trục xã Thanh Khê đi xã Thanh Sơn	DGT	0,60	-	0,60	CLN, ONT	Xã An Phượng, Xã Thanh Sơn	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 62-TB/HU ngày 05/11/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về xây dựng tuyến đường nối ĐH.190Đ (Km3+294/P) với đường trục xã Thanh Khê đi xã Thanh Sơn	0,60	-
19	Mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chẽ - Thanh Xuân (từ Km4+850 đến Km8+914,29)	DGT	3,05	-	3,05	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Xuân	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1599-TB/HU ngày 15/5/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về việc xã Thanh Xuân thực hiện mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường huyện Cẩm Chẽ - Thanh Xuân (từ Km4+850 đến Km8+914,29)	3,05	-
1.2	Đất thủy lợi	DTL	28,86	0,00	28,86					2,20	26,66
20	Xử lý cấp bách cống Ba Lữ tại K46+100 đê tả sông Thái Bình, huyện Thanh Hà	DTL	0,50	-	0,50	HNK, DTL, CLN, ONT	Xã An Phượng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình	0,50	-
21	Cống Đường Liền, vị trí K57+728 đê tả TB, xã Vĩnh Lập	DTL	0,25	-	0,25	HNK, DTL	Xã Vĩnh Lập	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,25	
22	Cống Thiệu Cao, vị trí K59+110 đê TTB, xã Vĩnh Lập	DTL	0,25	-	0,25	HNK, DTL	Xã Vĩnh Lập	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,25	
23	Hoàn thiện mặt cắt và gia cố mặt đê với chiều dài L = 3,53 km đê TTB, vị trí tương ứng từ K53+450-K56+987, thuộc địa phận xã Thanh Hồng	DTL	0,10	-	0,10	CLN, HNK, DTL	Xã Thanh Hồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	0,10	
24	Nạo vét kênh KT TB Thanh Lang	DTL	0,10	-	0,10	HNK, DTL	Xã Thanh Lang	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	0,10	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
25	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê hữu Rạng đoạn K20+430-K21+650; K0+815-K8+170, K9+600-K13+000, K15+300-K20+430, huyện Thanh Hà	DTL	8,60	-	8,60	HNK, DTL	Xã Hồng Lạc, Việt Hồng, Thanh An, Thanh Lang, Liên Mạc, Thanh Xuân	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Văn bản số 62/TTg-QHQT ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính Phủ V/v phê duyệt đề xuất dự án	1,00	7,60
26	Cải tạo, nâng cấp đê tả Thái Bình (Cải tạo, nâng cấp công trình đê điều đê địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025)	DTL	2,12		2,12	LUC, HNK, DTL, ONT, CLN,	Xã Thanh Hồng, Xã Vĩnh Lập	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	-	2,12
27	Tu bổ nâng cấp kè Thanh Hồng, đê tả Thái Bình	DTL	0,19		0,19	CLN, HNK, NTS,	Xã Thanh Hồng	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án	-	0,19
28	Nâng cấp hệ thống đê tả sông Thái Bình đoạn từ K17-K40+000; K47+630; K49+618 thuộc địa bàn huyện Thanh Hà	DTL	10,50		10,50	LUC, HNK, DTL, ONT, CLN,	Xã Thanh Hải, Xã An Phượng, Xã Thanh Sơn, Xã Thanh Quang	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Văn bản số 62/TTg-QHQT ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính Phủ V/v phê duyệt đề xuất dự án	-	10,50
29	Xây dựng thay thế cống Thần, huyện Thanh Hà	DTL	0,25		0,25	LUC, HNK, DTL, CLN,	Xã Hồng Lạc	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Văn bản số 62/TTg-QHQT ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính Phủ V/v phê duyệt đề xuất dự án	-	0,25
30	Công trình xử lý cấp bách đê điều huyện Thanh Hà (tuyến đê hữu sông Rạng đoạn từ K8+170-K10+170; K13+000-K17+000)	DTL	6,00		6,00	LUC, HNK, DTL, ONT, CLN,	Xã Thanh An, Xã Thanh Lang, Xã Thanh Xuân	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3226/QĐ-BNN-PCTT ngày 25/8/2022 của Bộ NNPTNT phê duyệt dự án thành phần số 04	-	6,00
1.3	Đất cơ sở văn hóa	DVH.	0,52	0,00	0,52					0,52	0,00
31	Nhà văn hóa - thư viện xã Thanh Thủy	DVH	0,35	-	0,35	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 4 (thửa 606, 665)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Thông báo số 74-TB/HU ngày 30/3/2016 của Thường trực huyện ủy Thanh Hà về việc xây dựng công trình cơ bản tại xã Thanh Thủy	0,35	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
32	Nhà văn hóa thôn Tráng Liệt	DVH	0,17	-	0,17	CLN	Xã Thanh Sơn	Tờ 10 (thửa 707), tờ 13 (13-17)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,17	-
1.4	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD.	1,92	0,00	1,92					1,88	0,04
33	Trường THPT Thanh Hà (mở rộng)	DGD	0,16	-	0,16	ODT; DVH	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 46 (thửa 5,17); Tờ 41 (thửa 133)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND huyện về phê duyệt đề cương nhiệm vụ quy hoạch chi tiết	0,16	-
34	Trường THPT Thanh Bình (mở rộng)	DGD	0,50	-	0,50	LUC	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 4 (thửa 119,120,121-129)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Thông báo số 121/TB-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Về việc chấp thuận lập quy hoạch đất mở rộng trường THPT Thanh Bình	0,50	-
35	Mở rộng trường THCS Chu Văn An	DGD	0,22	-	0,22	HNK, CLN,DTL	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 4 (thửa 119, 120..127..129...123,122...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 54/TB-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất thực hiện công trình	0,22	-
36	Trường mầm non xã Thanh Khê (Chuyển vị trí)	DGD	0,80	-	0,80	CLN, ONT	Xã Thanh Khê	Tờ 6 (thửa 49,50,51...37-92-99,100...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND huyện V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng	0,80	-
37	Mở rộng trường Tiểu học xã Phụng Hoàng (bổ sung diện tích)	DGD	0,20	-	0,20	LUC	Xã An Phượng	Tờ 2 (thửa 1488,1566,1567,1568)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số: 3259/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Tiểu học An Phượng (KhuA)	0,20	-
38	Mở rộng trường Mầm non điểm Trường Thành	DGD	0,04		0,04	CLN	Xã Thanh Quang	Tờ 4 thửa 988	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Thông báo số 652-TB/HU ngày 27/10/2022 của Ban Thường vụ huyện uỷ về Chủ trương đầu tư xây dựng một số công trình xã Thanh Quang	-	0,04
1.5	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT.	9,60	2,20	7,40					7,40	0,00

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
39	Xây dựng khu trung tâm văn hóa, thể thao huyện Thanh Hà	DTT	6,20	2,20	4,00	CLN	Xã Cẩm Chế	Tờ 9 (thửa 349-351-390-420-446-454-470-490....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng	4,00	-
40	Sân vận động thị trấn Thanh Hà	DTT	2,10		2,10	CLN	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 7 (1498,1499,1506,1509..152 5,1526...), tờ 10 (5,6,7...17,18,55.)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 5142/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	2,10	-
41	Sân vận động trung tâm xã Thanh Sơn	DTT	1,30		1,30	CLN	Xã Thanh Sơn	Tờ 6 (thửa 403..451... 485...478)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao	1,30	-
1.6	Đất công trình năng lượng	DNL	2,77	0,00	2,77					1,93	0,84
42	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2020	DNL	0,210		0,210	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL, DSH..	Xã Vĩnh Lập, xã Việt Hồng, xã Tân An, xã Thanh Hồng, xã Thanh Khê	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật số 656/QĐ-PCHD ngày 14/02/2020	0,210	0,000
43	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2021	DNL	0,025	-	0,025	LUC, CLN, HNK	Xã Tân Việt, Xã Cẩm Chế	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 5333/QĐ-PCHD ngày 22/9/2021 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương về Phê duyệt dự án xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2021	0,025	-
44	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2022	DNL	0,01	-	0,010	DGT, DTL, CLN	Xã Tân An, Xã Tân Việt	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2597/QĐ-PCHD ngày 01/6/2021 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương về Phê duyệt dự án xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2021	0,010	-
45	Xây dựng mới và cải tạo ĐZ 35KV lộ 372E8.13; 373E8.13 và các nhánh rẽ - Điện lực Thanh Hà	DNL	0,065	-	0,065	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân Việt, Xã Tân An, Xã Thanh Hải	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 209/QĐ-PCHD ngày 18/1/2021 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương về Phê duyệt dự án	0,065	

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
46	Xây dựng các xuất tuyến trung áp sau TBA 110kV Thanh Hà	DNL.	0,09	-	0,09	CLN, DGT	Xã Liên Mạc, Xã Thanh Xá, Xã Thanh Thủy	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định phê duyệt dự án số 3159/QĐ-PCHD ngày 24/6/2021	-	0,09
47	Xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2022 (giai đoạn 2)	DNL.	0,07	-	0,07	LUC, Đất khác	Xã Thanh Quang	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 5436/QĐ-PCHD ngày 14/10/2021 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương về Phê duyệt dự án xây dựng đường dây trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2022 - giai đoạn 2	-	0,07
48	Dự án Trạm biến áp 110kV Thanh Hà và nhánh rẽ	DNL.	1,47	-	1,47	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Lang, Liên Mạc, Thanh Xuân, Thanh Thủy	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4930/QĐ-BCT, ngày 19/12/2016 của Bộ Công Thương; CV số 1606/UBND-VP, ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110 kV và trạm biến áp 110 kV Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Quyết định số 3060/QĐ-BCT, ngày 09/10/2019 của Bộ Công Thương	1,47	-
49	Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Hải Dương (JICA)	DNL.	0,03	-	0,03	LUC, Đất khác	Xã Thanh Hồng, Xã Thanh Quang, Xã Thanh Thủy	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định phê duyệt số 1497/QĐ-BCT ngày 28/5/2021 của Bộ Công Thương	0,03	
50	Xây dựng mới và cải tạo lưới điện trung áp huyện Thanh Hà và Cẩm Giàng	DNL	0,03	-	0,03	LUC, Đất Khác	Xã Thanh Sơn	Theo tuyến đường dây	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023	-	0,03
51	Cải tạo đường dây 35kV từ cột 98 đến cột 139 nhánh Cấp Tứ lộ 373E8.6	DNL	0,04	-	0,04	LUC, Đất khác	Xã Liên Mạc	Theo tuyến đường dây	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023		0,04

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
52	Xây dựng ĐZ trung thế và các TBA phân phối huyện Thanh Hà năm 2023 (0,12 ha)	DNL.	0,12	-	0,120	LUC, Đất Khác	Xã An Phượng, xã Thanh Quang, xã Thanh An, xã Việt Hồng, xã Hồng Lạc, xã Thanh Lang	Công trình dạng tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023	0,120	-
53	Xây dựng các công trình điện năng trên địa bàn huyện Thanh Hà	DNL.	0,11	-	0,11	LUC, CLN	Các xã, thị trấn	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023	-	0,11
54	Cải tạo lưới điện hạ thế các huyện Thanh Hà năm 2023	DNL.	0,50	-	0,50	LUC, Đất Khác	Các xã, thị trấn	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2785/QĐ-PCHD ngày 06/7/2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương Về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD và CBĐT năm 2023		0,50
1.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA.	14,44	0,00	14,44					0,44	14,00
55	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu xử lý rác thải Việt Hồng, huyện Thanh Hà (Mở rộng Nhà máy tái chế rác của tỉnh giai đoạn 2)	DRA	14,00	-	14,00	LUC, DGT, DTL	Xã Việt Hồng	Tờ 3 (thửa 7-14-124-127...266-297...), Tờ 4 (thửa 2-6-12-19...105-198-207...561...574...668...757...575...643....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Thông báo số 725-TB/TU ngày 03/06/2022 và Văn Bản số 3920/UBND-VP ngày 07/10/2022	-	14,00
56	Bãi chôn lấp rác thôn Tiền Vĩ, xã Thanh Hải	DRA	0,44	-	0,44	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 5 (thửa 168,248-285-368,184,185...)	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,44	-
1.8	Đất cơ sở tôn giáo	TON.	0,03	0,00	0,03					0,00	0,03
57	Chùa Trung Sơn, xã Tân An	TON	0,03	-	0,03	CLN	Xã Tân An	Tờ 22 (thửa 185, 166)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Kết luận số 01-KL/BCĐ ngày 27/9/2019 của BCĐ công tác Tôn giáo tỉnh Hải Dương về kết quả kiểm tra công tác xây dựng, sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh		0,03
1.9	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD.	4,27	0,00	4,27					2,30	1,97

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
58	Mở rộng nghĩa địa thôn Trường Giang, Xuân Ấng	NTD	0,30	-	0,30	CLN	Xã Thanh Xuân	Tờ 9 (thửa 466,470,471,491...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao	0,30	-
59	Mở rộng nghĩa địa thôn Hải Yến	NTD	0,30	-	0,30	LUC	Xã Hồng Lạc	Tờ 15 (thửa 600...683...758...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao	0,30	-
60	Mở rộng nghĩa địa Chùa Chè - Khánh Mậu	NTD	0,30	-	0,30	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 4 (thửa 343...318...248...257...406...473...476...426...328...329...465...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao	0,30	-
61	Mở rộng nghĩa địa Đồng Lác	NTD	0,30	-	0,30	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 4 (thửa 7...20...64...156...173...161...163...106...47...104...118...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao	0,30	-
62	Mở rộng nghĩa địa Tiên Đăng	NTD	0,30	-	0,30	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 704...745...782...790...788...784...739,702...734)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao	0,30	-
63	Mở rộng nghĩa địa các thôn - xã Thanh Xá	NTD	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Xá	Tờ 4 (thửa 429...500...509...510, 181,205...) tờ 6 (161-167-173...465...492...), tờ 15 (thửa 91,110...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	0,50	-
64	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Thanh Lang	NTD	0,30	-	0,30	LUC	Xã Thanh Lang	Tờ 10 (thửa 135...140...170...345...343...338...248...250...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thực hiện Kết luận của BTV Huyện ủy tại Thông báo số 22-TB-HU ngày 21/9/2020 về quy hoạch, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Thanh Lang	0,30	-
65	Xây dựng, mở rộng nghĩa địa xã Thanh Hải	NTD	1,00	-	1,00	LUC, CLN	Xã Thanh Hải	Tờ 1 (thửa 255, 256), Tờ 6 (thửa 256, 258...264...344...346...378...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao	-	1,00

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
66	Xây dựng, mở rộng nghĩa địa xã Tân An	NTD	0,97	-	0,97	LUC	Xã Tân An	Tờ 3 (thửa 254, 255...294...332, 333...), Tờ 7 (thửa 40...101...111...402); Tờ 8 (thửa 324...501); Tờ 10 (thửa 962, 1006, 1022, 1075...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao		0,97
1.10	Đất chợ	DCH.	13,65	1,67	11,98					11,78	0,20
67	Xây dựng chợ Lại xã Thanh Thủy (mở rộng)	DCH	0,99	-	0,99	CLN, DGT	Xã Thanh Thủy	Tờ 5 (thửa 361,390-476); tờ 15 (thửa 91, 92,101,127,126,143..	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà về Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng chợ Lại, xã Thanh Thủy	0,99	-
68	Chợ, thương mại dịch vụ xã Tân Việt	DCH	2,50	-	2,50	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân Việt	Tờ 7 (thửa 1198...1200...1420..); tờ 8 (thửa 454...457...541..556..); Tờ 7+8 (thửa 1, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 13, 17, 16, 18, 19, 20, 28, 29....trích đo)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	2,50	-
69	Chợ, thương mại dịch vụ xã Việt Hồng	DCH	3,00	-	3,00	CLN, DGT, DTL	Xã Việt Hồng	Tờ 7 (thửa 835,836, 843, 893, 898, 902,903, 907, 949,951,1105...)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1698-TB/HU ngày 10/6/2019 của Ban thường vụ huyện ủy về việc triển khai xây dựng khu chợ, TMDV xã Việt Hồng	3,00	-
70	Chợ và thương mại dịch vụ xã Liên Mạc	DCH	2,18	-	2,18	LUC, CLN, DGT	Xã Liên Mạc	Tờ 5 (thửa 66,67,75-175,176,260,266,247...346, 347....78,89,126...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1845-TB/HU ngày 13/7/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy V/v chủ trương thực hiện dự án	2,18	-
71	Chợ, thương mại dịch vụ xã Hồng Lạc (phần còn lại)	DCH	1,87	1,67	0,20	LUC,HNK, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Mảnh đo đạc, chính lý BĐDC số 01-2020 (thửa 1-9-10-19-20-29-37-39-41-47-55...)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Vv Quyết định chủ trương đầu tư dự án		0,20

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
72	Xây dựng chợ, thương mại dịch vụ xã Thanh Hải	DCH	3,11	-	3,11	LUC	Xã Thanh Hải	Tờ 7 (thửa 287,286...543,544,...1172...1493...1494...1420...1138....)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 26-TB/HU ngày 21/9/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy V/v chủ trương thực hiện dự án	3,11	-
2	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL.	10,95	3,95	7,00					7,00	0,00
73	Du lịch sinh thái Sông Hương (Điểm đón tiếp đầu tuyến tại xã Cẩm Chế)	DDL	4,50	1,50	3,00	CLN, SKC, DGT	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 328,329,324,335,541,597,537,604..700..786....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2787/QĐ-UBND tỉnh ngày 30/10/2015 về việc phê duyệt đề cương đầu tư xây dựng dự án, hạ tầng du lịch sinh thái sông Hương	3,00	-
74	Du lịch sinh thái Sông Hương (điểm số 2: Điểm dừng chân giữa tuyến; điểm số 3: Điểm dừng chân cuối tuyến)	DDL.	6,45	2,45	4,00	CLN, HNK, NTS, DGT	Xã Thanh Xá, Xã Thanh Thủy	Tờ 7 (thửa 328,329,324,335,541,597,537,604..700..786....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2787/QĐ-UBND tỉnh ngày 30/10/2015 về việc phê duyệt đề cương đầu tư xây dựng dự án hạ tầng du lịch sinh thái Sông Hương	4,00	-
3	Đất ở tại đô thị (bao gồm cả hạ tầng)	ODT.	34,10	3,85	30,25					30,25	0,00
75	Xây dựng khu hành chính và dân cư phía Đông thị trấn Thanh Hà (lần 2 giai đoạn 1- lần 1 giai đoạn 2); sau phòng công chứng	ODT.	7,30	-	7,30	LUC, CLN, DGT, DTL...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 9 (thửa 125.. 136-200-233-485,261-315...305...153..84..162)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4191/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng	7,30	-
76	Khu dân cư phía Đông thị trấn Thanh Hà (giai đoạn 3); sau phòng công chứng	ODT.	4,70	-	4,70	LUC, CLN, DGT, DTL...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 9 (thửa 125.. 136-200-153-571-572-460-462-485,261...322...478.233...200....); Tờ 10 (68-76-79-190-202..205....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng	4,70	
77	Khu dân cư trung tâm thương mại cũ phía Đông, thị trấn Thanh Hà	ODT.	0,60	-	0,60	TMD, CLN	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 9 (22,59,60..), tờ 10 (34,98..) (thửa 286 mảnh trích đo khu đất)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4553/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng	0,60	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
78	Xây dựng khu dân cư khu 5, thị trấn Thanh Hà	ODT.	0,51	-	0,51	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL, NTD	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 6 (thửa 49,50.....,58,60), tờ 23 (thửa 31)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết	0,51	-
79	Xây dựng khu dân cư khu 1 thị trấn Thanh Hà (Phần còn lại)	ODT.	4,40	3,85	0,55	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL, NTD...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 9 (thửa 1145-1166-1219-1244...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3970/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư khu 1 thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà	0,55	-
80	Xây dựng khu dân cư mới thị trấn Thanh Hà	ODT.	9,99	-	9,99	CLN, NTS, DGT, DTL...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 6+7 (thửa 696,697...702...752,744; 1348-1354, 1355-1484-1488-1500-1521-1253; 2,3,5,30-32	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án	9,99	-
81	Khu dân cư mới Khu 8 và khu 5, vị trí 2	ODT.	6,60	-	6,60	LUC, CLN, NTS, DGT, DTL...	Thị trấn Thanh Hà	Tờ 5 (thửa 16-23...28...53...54...53...54...413...461...402...313...187...107...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định 2550/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND huyện V/v phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng	6,60	-
4	Đất ở tại nông thôn (bao gồm cả hạ tầng)	ONT.	260,51	55,43	205,13					205,13	0,00
82	Xây dựng khu dân cư tại xã Tân An và xã Thanh Hải, tỉnh Hải Dương	ONT.	28,70	-	28,70	LUC, CLN, DGT, DTL...	Xã Tân An, Xã Thanh Hải	Tờ 1+2+5 (thửa 98-100...596.678...1039.1039...945,946...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND huyện Thanh Hà Vv phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của UBND huyện Thanh Hà Vv phê duyệt đề cương nhiệm vụ quy hoạch	28,70	-
83	Khu dân cư mới phía tây thị trấn Thanh Hà (Sau phòng khám Y Cao)	ONT.	9,71	8,57	1,18	CLN; DGT; DTL..	Xã Thanh Khê, Xã Tân An	Thanh Khê: tờ 1, tờ 2, tờ 3; Tân An: tờ 8, tờ 10, tờ 11	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	1,18	-
84	Xây dựng khu dân cư mới xã Tân An và xã Thanh Khê (sau chi cục thuế).	ONT.	9,71	8,22	1,50	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An, Xã Thanh Khê	Xã Tân An: Tờ 11(23,29...67); Xã Thanh Khê tờ 3 (212,226...784,785..)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	1,50	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
85	Khu dân cư tại xã Tân An - Thanh Hải (giáp đường mới nối đường tỉnh 390 với cầu Điều đi xã An Phượng)	ONT.	9,80	-	9,80	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An, Xã Thanh Hải	xã Tân An: tờ 9 (thửa 103-...119...131...144..), Tờ 10 (thửa 389...388...991...370...307...310...344...256...984...793...xã Thanh Hải: tờ 8 (thửa 1...26..33..14..48..49596..749...), tờ 7 (410...540...)	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/04/2020 của HĐND tỉnh; Văn bản số 2239/UBND-VP ngày 08/7/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng xây dựng KDC tại xã Tân An, Thanh Hải	9,80	-
86	Khu đô thị sinh thái Thanh Bình (Xây dựng nhà truyền thống, công viên cây xanh, trụ sở làm việc huyện ủy, HĐND, UBND huyện Thanh Hà)	ONT, ODT, TSC	44,57	-	44,57	LUC; CLN; DGT, DTL	Xã Thanh Khê; Thị trấn Thanh Hà	Xã Thanh Khê: tờ 3+4+6+7+14+18 TT Thanh Hà: tờ 9+11	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Hải Dương V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ hồ sơ điều chỉnh, mở rộng QH chung xây dựng thị trấn Thanh Hà	44,57	-
87	Xây dựng khu dân cư mới xã Cẩm Chế (phần còn lại)	ONT.	29,38	26,60	2,78	LUC, CLN CLN, NTS; ONT; TON; DNL; DGT; DTL; NTD...	Xã Việt Hồng, Xã Cẩm Chế	Cẩm chế tờ 2,5,7,18,21; Việt Hồng tờ 10	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3544/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư; VB số 4573/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 13/9/20019 về việc chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện dự án; Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh Vv phê duyệt Hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	2,78	-
88	Điểm dân cư mới xã Cẩm Chế - Việt Hồng	ONT.	2,20	-	2,20	LUC, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế; Xã Việt Hồng	Xã Cẩm Chế tờ 2 (160,159,161,198... Xã Việt Hồng tờ 10 (thửa 240...310, 311...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1697-TB/HU ngày 10/6/2020 Thông báo kết luận của BTVHU về quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới xã Cẩm Chế - Việt Hồng; Thông báo số 374-TB/HU ngày 18/10/2021 Thông báo kết luận của BTV HU về điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới Việt Hồng - Cẩm Chế	2,20	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
89	Khu dân cư mới thôn Đông Phan, xã Tân An	ONT.	9,30	9,10	0,20	LUC; NTS, DGT; DTL..	Xã Tân An	Tờ 6 (800-804), tờ 7 (1357,1358,1359... 1447-1449-1486); tờ 9 (19...95,96,102); tờ 10 (1,2-41,42...245,246-289,290....)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 28/6//2017 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà V/v Phê duyệt quy hoạch chi tiết	0,20	-
90	Điểm dân cư mới xã Tân An (đồng Công Chính giáp xã Thanh Hải)	ONT	0,10	-	0,10	LUC	Xã Tân An	Tờ 9 (thửa 119-121-123-144-150)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1836/QĐUB ngày 31/5/2013 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng và giá dự toán khu dân cư xã Tân An	0,10	-
91	Khu dân cư trung tâm xã Tân An	ONT.	2,70	-	2,70	LUC, DGT, DTL	Xã Tân An	Tờ 7 (thửa 297, 298,...305, 306....402, 423.....332...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Tờ trình số 23-TTr/HU ngày 16/9/2021 của Huyện ủy Thanh Hà về việc xin chủ trương lập Quy hoạch chi tiết các khu dân cư, đô thị trên địa bàn huyện Thanh Hà	2,70	-
92	Khu dân cư mới Nam đường 390 xã Thanh Hải (giai đoạn 2), (điểm dân cư tập trung xã Thanh Hải)	ONT.	2,40	-	2,40	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 7 (thửa 179,186,265,266,280,421,382....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết	2,40	-
93	Khu dân cư số 1 xã Phụng Hoàng (giai đoạn 2)	ONT	0,80	-	0,80	LUC	Xã An Phượng	Tờ 3 (thửa 117,118,120,122-253-412...); (thửa 414,398,399...373,374 - 368,296,295)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3695/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng XD khu dân cư số 1, xã Phụng Hoàng	0,80	-
94	Điểm dân cư khu sân vận động	ONT.	0,25	-	0,25	CLN	Xã Thanh Khê	Tờ 7 (thửa 487,488,496,499,500,501,502....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,25	-
95	Điểm dân cư khu Cổng Tây	ONT.	0,45	-	0,45	CLN	Xã Thanh Khê	Tờ 7 (thửa 490,404,408,409,406,407,405....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Tạo nguồn kinh phí thực hiện nông thôn mới nâng cao nâng cao	0,45	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
96	Khu dân cư mới thôn An Lão (2,5ha)	ONT.	2,50	-	2,50	CLN	Xã Thanh Khê	Tờ 10 (thửa 297, 298,...305...306...402...423...332....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Tờ trình số 23-TTr/HU ngày 16/9/2021 của Huyện ủy Thanh Hà về việc xin chủ trương lập Quy hoạch chi tiết các khu dân cư, đô thị trên địa bàn huyện Thanh Hà	2,50	-
97	Xây dựng khu dân cư mới chợ Lại xã Thanh Thủy	ONT.	0,78	0,50	0,28	CLN, DGT, DCH	Xã Thanh Thủy	Tờ 5 (thửa 361,390-476); tờ 15 (thửa 91, 92,101,127,126,143..	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND huyện Thanh Hà về Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới chợ Lại, xã Thanh Thủy	0,28	-
98	Khu dân cư mới số 1 xã Thanh Thủy (khu Đồng trước đi xã Thanh Sơn)	ONT.	2,70	-	2,70	CLN, DGT	Xã Thanh Thủy	Tờ 9 (thửa 147...150...186...351...349...432....182...184....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1699-TB/HU ngày 10/6/2020 thông báo Kết luận của Ban thường trực huyện ủy về việc xã Thanh Thủy triển khai quy hoạch, xây dựng hạ tầng điểm dân cư mới, xã Thanh Thủy (giai đoạn 2)	2,70	-
99	Xây dựng điểm dân cư số 2 khu 5 - xã Thanh Thủy (giai đoạn 3). (điểm dân cư khu vực xóm 5, mã ra đồng sẫm)	ONT	0,60	-	0,60	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 5 +Tờ 9 (thửa 148,180,183,184....432...); mảnh trích đo địa chính số 5 (thửa 680, 381, 411; 1, 2, 3, 4, 5, 9, 32, 33, 31, 30, 40, 41..	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3979/2017/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,60	-
100	Dân cư khu Đồng Bo xã Thanh Xá	ONT	2,80		2,80	CLN, DGT	Xã Thanh Xá	Tờ 6 (thửa 40-41,70-79,80,81-154,153,158...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Thanh Hà Vv phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	2,80	-
101	Khu dân cư mới Sông Hương (Green river), xã Hồng Lạc (Tổng 30ha)	ONT.	30,00	-	30,00	CLN, HNK DGT, DTL..	Xã Hồng Lạc	Tờ 6 (thửa 374,375...423...613...614, 612...604..605..606..531)...), tờ 10 (thửa 1,2,3,4,5...96,97,111...150,151..	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1158-TB/HU ngày 23/4/2020 Thông báo kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về quy hoạch chi tiết Xây dựng khu dân cư mới Sông Hương, xã Hồng Lạc	30,00	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
102	Xây dựng điểm dân cư mới khu vực Vườn Địa	ONT.	4,40	-	4,40	LUC, HNK, DGT, DTL; NTD..	Xã Hồng Lạc	Tờ 7 (thửa 1343,1344...1346....1421...1496....1490...1486, 1258, 1421-1454-1506-1505) Tờ 11(thửa 20,21...33-36...99...162,163...63,79 ...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Vv Quyết định chủ trương đầu tư dự án	4,40	-
103	Dự án khu dân cư mới xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	ONT.	9,65	-	9,65	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân Việt	Tờ số 07, 08, 10, 11 (thửa 1, 2 ..., 100, 101, ..., 693, 694	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2019 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng; Quyết định số 3902/QĐ-UBND ngày 08/11/019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	9,65	-
104	Khu dân cư trung tâm xã Tân Việt	ONT.	1,99	0,40	1,59	LUC, CLN, DGT, DTL..	Xã Tân Việt	Tờ 7 (thửa 304,305...309,344...711,758...1033,1034,1035...1195, 1209...1206,1256..)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	1,59	-
105	Khu dân cư mới thôn Nhân Lư, xã Cẩm Chế	ONT.	10,20	-	10,20	CLN, DGT..	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 406, 409,...414,483...490...847.841..840..), tờ 9 (thửa (8,9...14,15,31,...203,204 ...177,178...38,37...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 28-TB/HU ngày 24/9/2020 Thông báo kết luận của Ban thường trực huyện ủy về nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư mới thôn Nhân Lư, xã Cẩm Chế	10,20	-
106	Xây dựng khu dân cư phía Bắc Thị trấn Thanh Hà (giai đoạn 1); (Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 25/01/2022; 3470 m2 (2,318,5 m2); QĐ số 2637/QĐ-UBND ngày 30/9/2022: 13934 m2 (6,966 m2)	ONT.	3,99	1,74	2,25	CLN, DGT..	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa.....)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư phía Bắc thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà	2,25	-
107	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thanh Hà (giai đoạn 2)	ONT.	9,80	-	9,80	CLN, DGT, DTL..	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 594-645-847-841.....; Tờ 9 (thửa 4-7-36-56-58-204-178-455-457..	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	9,80	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
108	Điểm dân cư mới thôn Nhân Lư (ngõ Hà)	ONT	0,30	-	0,30	CLN	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 594-645-847-841.....; Tờ 9 (thửa 146,201,257,266...)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND huyện V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,30	-
109	Xây dựng điểm dân cư mới thôn Quan Khê (Vị trí 1)	ONT	0,61	-	0,61	LUC, CLN, DGT...	Xã Việt Hồng	Tờ 7 (Thửa 04,08,104...695)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020; Quyết định 650/QĐ-UBND ngày 21/2/2019 của UBND huyện Thanh Hà về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thôn Quan Khê	0,61	-
110	Khu dân cư mới thôn Quan Khê (Vị trí 2)	ONT	1,54	-	1,54	LUC, DGT, DTL..	Xã Việt Hồng	Tờ 2 (thửa 693....243....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Công trình tạo nguồn kinh phí thực hiện nông thôn mới nâng cao	1,54	-
111	Xây dựng khu dân cư mới xóm 10, thôn Lang Can 3, xã Thanh Lang	ONT	0,50	0,30	0,20	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Lang	Tờ 6 (thửa 295,320,321,...,389,391)	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/4/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết	0,20	-
112	Điểm dân cư Cầu Sắt	ONT	0,73	-	0,73	CLN	Xã Liên Mạc	Tờ 6 (thửa 573,574,...583,594,595)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,73	-
113	Điểm dân cư thôn Văn Mạc	ONT	0,65	-	0,65	CLN	Xã Liên Mạc	Tờ 2 (thửa 391,1326,1327,1378...390,1412...1420,1482,1421,1451....1455)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,65	-
114	Điểm dân cư thôn Mạc Động	ONT	0,25	-	0,25	CLN	Xã Liên Mạc	Tờ 6 (thửa 614,616,617,629,630-632,669-672...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	0,25	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
115	Dự án khu dân cư chợ Sung xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà	ONT	0,04	-	0,04	DCH	Xã Liên Mạc	Tờ 21 (thửa 56)	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết	0,04	-
116	Điểm dân cư thôn Phúc Giới 3	ONT	0,56	-	0,56	CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Quang	Tờ 7 (thửa 754...758...771...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4392/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND huyện V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng	0,56	-
117	Điểm dân cư thôn Hạ Vĩnh, xã Thanh Bình (giai đoạn 2)	ONT	0,51	-	0,51	CLN	Xã Thanh Quang	Tờ 10 (412, 413-415, 389-391-480,482,416,417,478,328...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4357/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới thôn Hạ Vĩnh, xã Thanh Bình	0,51	-
118	Điểm dân cư mới thôn Lĩnh Hoàng, xã Thanh Quang	ONT	3,40	-	3,40	CLN, DGT, DTL...	Xã Thanh Quang	Tờ 4 (thửa 312...351...372...); Tờ 7 (thửa 3, 6, 8,...27...74...79...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1875-TB/HU ngày 14/8/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy Thanh Hà về việc triển khai khảo sát lập quy hoạch chi tiết	3,40	-
119	Xây dựng điểm dân cư mới thôn Vĩnh Xá, xã Thanh cường	ONT	3,28	-	3,28	CLN, LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Cường	Tờ 6 (thửa 134,160-172,228-259); Tờ 7 (thửa 105, 106-121-122-125-127-224-299-288-318-319-344-345)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 09/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà về phê duyệt quy hoạch chi tiết	3,28	-
120	Điểm dân cư thôn Vĩnh Ninh	ONT	0,30	-	0,30	LUC, DGT, DTL, CLN, NTD	Xã Thanh Cường	Tờ 6 (thửa 216, 220...310...399...400...427...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tạo nguồn kinh phí thực hiện nông thôn mới nâng cao	0,30	-
121	Điểm dân cư mới khu đường ngang xã Thanh Hồng	ONT	2,60	-	2,60	CLN, LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hồng	Tờ 6 (thửa 488, 489,...505...506...558...562...563); Tờ 7 (thửa 485, 486....447, 448...545, 546...534...535...)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Tờ trình số 23-TTr/HU ngày 16/9/2021 của Huyện ủy Thanh Hà về việc xin chủ trương lập Quy hoạch chi tiết các khu dân cư, đô thị trên địa bàn huyện Thanh Hà	2,60	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
122	Khu dân cư mới xã Vĩnh Lập (Thôn Tú Y, phía sau hầm chui áp đường huyện đi đò Tú)	ONT.	2,19	-	2,19	CLN	Xã Vĩnh Lập	Tờ 8 (thửa 293-337-359-373-376...364..995..439..428...) , tờ 9 (225,261...376...391...387...345...341..)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Văn bản số 3843/UBND-VP ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chủ trương lập QH chi tiết xây dựng một số Khu dân cư mới trên địa bàn huyện Thanh Hà	2,19	-
4.17	Dân cư nhỏ lẻ, xen kẽ	ONT.	13,57	0,00	13,57					13,57	0,00
123	Chuyển mục đích phục vụ GPMB xây dựng khu dân cư phía bắc thị trấn Thanh Hà	ONT	0,30	-	0,30	CLN	Xã Cẩm Chế	Tờ 7 (thửa 415,418,419,420....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh	0,30	
124	Xử lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014; chuyển mục đích sử dụng đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở; Đất vi phạm quyết định vi phạm 1654.	ONT	0,80	-	0,80	CLN	Xã Thanh Hải			0,80	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN0.19 ha; HNK0.02 ha; DGD0.09 ha...	Xã Tân An			0,50	
		ONT	0,76	-	0,76	CLN	Xã An Phượng			0,76	
		ONT	0,60	-	0,60	CLN	Xã Thanh Khê			0,60	
		ONT	0,70	-	0,70	CLN	Xã Thanh Sơn			0,70	
		ONT	0,60	-	0,60	CLN	Xã Thanh Thủy			0,60	
		ODT	1,00	-	1,00	CLN	Thị trấn Thanh Hà			1,00	
		ONT	0,51	-	0,51	CLN	Xã Thanh Xuân			0,51	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Thanh Xá			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Việt Hồng			0,50	
		ONT	1,00	-	1,00	CLN	Xã Hồng Lạc			1,00	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Tân Việt			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Cẩm Chế			0,50	
		ONT	0,50	-	0,50	CLN	Xã Liên Mạc			0,50	
		ONT	0,70	-	0,70	DTT,CLN	Xã Thanh Lang			0,70	
		ONT	0,70	-	0,70	CLN,NTS	Xã Thanh An			0,70	
		ONT	1,10	-	1,10	CLN	Xã Thanh Quang			1,10	
		ONT	0,60	-	0,60	CLN	Xã Thanh Cường			0,60	
		ONT	0,60	-	0,60	CLN	Xã Vĩnh Lập			0,60	
		ONT	0,60	-	0,60	CLN	Xã Thanh Hồng			0,60	
II	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất		76,02	6,33	69,69					67,94	1,75

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD.	14,91	0,00	14,91					14,91	0,00
125	Dự án khu liên hiệp dịch vụ kỹ thuật ô tô Hải Dương	TMD	2,70	-	2,70	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An	Tờ 1 (thửa 237, 297, 325-327, 308-385-406-334-379-381-413...-403-	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư	2,70	-
126	Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp Thanh Hà tại xã Tân An (Công ty TNHH WONDERLAND Thanh Hà	TMD	2,69	-	2,69	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Tân An	Tờ bản đồ số 5 (thửa: 8,10,13,12,17,114,..)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1637- TB/HU ngày 21/5/2020 Kết luận của Ban thường vụ huyện ủy V/v thực hiện dự án	2,69	-
127	Cơ sở kinh doanh dịch vụ, sửa chữa, bảo dưỡng và trông giữ xe ô tô 27-7 (TMD 1.26 ha; hạ tầng 0.79 ha)	TMD.	2,05	-	2,05	LUC, HNK; NTS; DGT,	Xã Thanh Hải 0.67 ha, Tân An 0.59 ha	Thanh Hải tờ 2 (thửa 57...85, 148, 147..); Tân An tờ (thửa 1236, 1242, 1222...)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư	2,05	-
128	Dự án cửa hàng xăng dầu, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp Toàn Lực tại xã Thanh Hải	TMD	1,17	-	1,17	LUC, DGT, DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 13 (thửa 448,444...405.406...500...556...496...499...560.)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND tỉnh V/v phê duyệt chủ trương đầu tư	1,17	-
129	Cơ sở kinh doanh thiết bị điện Hồng Lạc (Hộ KD ông Bùi Văn Sơn)	TMD	0,15	-	0,15	LUC, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Tờ 12 (thửa 795,796,797,814,815,816,920,922,931)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 7156/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Thanh Hà về chấp thuận chủ trương dự án Cơ sở kinh doanh thiết bị điện Hồng Lạc tại xã Hồng Lạc	0,15	-
130	Dự án cửa hàng kinh doanh xăng dầu và thương mại dịch vụ tại xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	TMD	1,00	-	1,00	LUC, DGT, DTL	Xã Tân Việt	Tờ 9 (thửa 497, 551, 552, 553, 560, 561, 559-562, ...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định chủ trương đầu tư số 2914/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND huyện Thanh Hà về chủ trương chấp thuận thực hiện dự án	1,00	-
131	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ kiện nhôm kính và vật liệu xây dựng Vũ Gia	TMD	0,40	-	0,40	LUC, CLN	Xã Tân Việt	Tờ 3 (thửa 187)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	0,40	-
132	Dự án Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại Thanh Thủy- hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Diện	TMD	0,57	-	0,57	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 556,556,665...664...)	Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại Thanh Thủy của hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Diện	0,57	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
133	Dự án cơ sở thu mua và chế biến hàng nông sản Phương Anh - hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Quân	TMD	0,57	-	0,57	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 754...756...796,798...664...)	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án cơ sở thu mua và chế biến hàng nông sản Phương Anh của hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Quân	0,57	-
134	Dự án cơ sở sản xuất và kinh doanh đồ gia dụng Việt Mỹ của hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Ngân	TMD	0,54	-	0,54	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 606,607...614...666,668...)	Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất và kinh doanh đồ gia dụng Việt Mỹ của hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Ngân	0,54	-
135	Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp Minh Thảo - hộ kinh doanh ông Phạm Khắc Tuyền	TMD	0,48	-	0,48	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 616,617...676,700...669)	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp Minh Thảo - hộ kinh doanh ông Phạm Khắc Tuyền	0,48	-
136	Dự án cơ sở kinh doanh và thu mua hàng nông sản Hợp Thanh - hộ kinh doanh ông Phạm Thanh Tùng	TMD	0,52	-	0,52	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 708,709...720...772,773,028...699...)	Quyết định số 2909/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án cơ sở kinh doanh và thu mua hàng nông sản Hợp Thanh - hộ kinh doanh ông Phạm Thanh Tùng	0,52	-
137	Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh đồ thủ thủ công mỹ nghệ Phương Linh - hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Nam	TMD	0,52	-	0,52	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 696...909...708...728,729...699...)	Quyết định số 2909/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Thanh Hà về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh đồ thủ công mỹ nghệ Phương Linh - hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn Nam	0,52	-
138	Dự án Cơ sở kinh doanh tổng hợp tại xã Thanh Quang (hộ kinh doanh Lê Viết Thái)	TMD	0,50	-	0,50	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Quang	Tờ 3 (thửa 1139, 1140, 1142, 1161, 1156, 1186, 1187...)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4800/QĐ- UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Thanh Hà về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cơ sở kinh doanh tổng hợp Thanh Quang của hộ kinh doanh ông Lê Viết Thái tại xã Thanh Quang	0,50	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
139	Dự án Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng tại xã Thanh Quang (hộ kinh doanh Lê Viết Thụ)	TMD	0,50	-	0,50	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Thanh Quang	Tờ 3 (thửa 1189, 1190-1193-1195, 1200, 1202)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4799/QĐ - UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện Thanh Hà về Quyết định chủ trương đầu tư dự án Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng của hộ kinh doanh Lê Viết Thụ tại xã Thanh Quang	0,50	-
140	Cơ sở kinh doanh xăng dầu và sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô Hoài Sơn (Mở rộng)	TMD	0,55	-	0,55	CLN	Xã Vĩnh Lập	Tờ 7 (thửa 322, 392, 393, 408-410, 473..)	CV 683/UBND-TCKH ngày 15/11/2019 của UBND huyện V/v mở rộng cơ sở kinh doanh xăng dầu và sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô Hoài Sơn; Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	0,55	-
2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC.	34,28	6,33	27,95					26,20	1,75
141	Cơ sở sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn	SKC	4,00	-	4,00	LUC, DGT, DTL	Xã Tân An	Thửa 207,267,268, 403, 391-667,668,658...792, tờ bản đồ số 5	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	4,00	-
142	Nhà máy sản xuất nguyên liệu gốm sứ và sứ kỹ thuật Ceraglas số 2	SKC	4,00	-	4,00	LUC, DGT, DTL	Xã Tân An	Thửa 6,22,23...54 tờ bản đồ số 4, các thửa 324...659, tờ bản đồ số 5	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	4,00	-
143	Nhà máy sản xuất kính an toàn số 1 Hải Dương (xã Tiền Tiến 4.77 ha; xã Thanh Hải 0.73 ha)	SKC	0,73	-	0,73	LUC; DGT; DTL	Xã Thanh Hải	Tờ 1 (thửa 11, 12, 15, 16, 17...809-892-1182-1189....)	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh V/v QĐ chủ trương đầu tư dự án	0,73	-
144	Cơ sở kinh doanh chế biến gỗ, dịch vụ kho bãi và thương mại Ngọc Việt (hộ KD Vũ Trung Thành)	SKC	0,50	-	0,50	LUC	Xã Thanh Hải	Tờ 1 (thửa 116,131-133,120,161,162,181...)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	0,50	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
145	Cơ sở SX kinh doanh cơ khí, dịch vụ kho bãi và thương mại Hải Dương (hộ KD Hoàng Minh Hanh)	SKC	0,40	-	0,40	LUC	Xã Thanh Hải	Tờ 1 (thửa 96,97,98,115,116,133..)	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND huyện Thanh Hà V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	0,40	-
146	Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Carton của CTCP chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Hải Dương	SKC	6,50	4,98	1,52	LUC, DGT, DTL...	Xã Hồng Lạc	Tờ 6 (thửa 104,105,-134-278-372-331-333-311-307-416....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	1,52	-
147	Cơ sở sản xuất bánh kẹo và kinh doanh bách hóa Hồng Ngân	SKC	2,83	-	2,83	LUC, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Tờ 17 (thửa 1183, 1184, 1555...), tờ 12 (thửa 25, 26,41)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	2,83	-
148	Cơ sở sản xuất bê tông tươi, bê tông áp phan và vật liệu xây dựng	SKC	2,94	-	2,94	LUC, HNK, DGT, DTL	Xã Hồng Lạc	Tờ 3 (thửa 31, 32, ...), tờ 6 (8,9,10...199); tờ số 7 (205, 276, 277, 278...)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 9/12/2021 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	2,94	-
149	Xây dựng khu sơ chế, bảo quản rau, củ, quả và sản phẩm nông nghiệp của hộ kinh doanh Bà Lê Thị Duyên tại xã Hồng Lạc	SKC	0,48	-	0,48	DGT, DTL, LUC	Xã Hồng Lạc	Tờ 6 (thửa 367, 368, 369, 370, 372, 373, 378, 379, 416, 417....)	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 7155/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Thanh Hà về chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng khu sơ chế bảo quản rau củ quả và sản phẩm nông nghiệp của hộ KD bà Lê Thị Duyên	0,48	-
150	Cơ sở thu mua, chế biến và kinh doanh nông sản (hộ bà Hà Thị Phượng)	SKC	1,10	-	1,10	LUC, DGT, DTL	Xã Tân Việt	Thửa 449451,482...486,504,506..600, tờ bản đồ số 9	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định chủ trương đầu tư số 2914/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND huyện Thanh Hà về chủ trương chấp thuận thực hiện dự án	1,10	-
151	Xây dựng Dự án Nhà máy sản xuất bao bì phục vụ ngành nông nghiệp của Công ty TNHH xuất nhập khẩu IRI FACTORY VINA	SKC	3,29	-	3,29	LUC, HNK; NTS; DGT,	Xã Việt Hồng; Xã Cẩm chế	Xã Việt Hồng tờ 10; Xã Cẩm Chế tờ 2, tờ 3	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	3,29	-

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Văn bản có liên quan	Dự án	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				Năm 2022 chuyển tiếp (ha)	Đăng ký mới năm 2023 (ha)
152	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn	SKC	2,72	-	2,72	LUC, CLN, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế	Tờ 3 (thửa 35....300..)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 4/11/2020 của UBND tỉnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	2,72	-
153	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì Mạnh Tín	SKC	1,75	-	1,75	LUC, NTS, DGT, DTL	Xã Cẩm Chế	Tờ 3 (thửa 31,32-35....100-105...243...257...272...310...)	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh; Công văn số 143/UBND-TCKH ngày 14/3/2022 của UBND huyện Thanh Hà về việc tham gia ý kiến đối với đề xuất thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa Mạnh Tín	-	1,75
154	Cơ sở sản xuất kinh doanh Phú Hiệp	SKC	0,52	-	0,52	CLN	Xã Cẩm Chế, Xã Việt Hồng	Tờ 2 (thửa 80,111, 112, 1250,87,88,60,59..)	Quyết định số 9719/QĐ/UBND ngày 15/8/2016 của UBND huyện Thanh Hà V/v phê duyệt chủ trương dự án: Điều chỉnh bổ sung lần 3 dự án	0,52	-
155	Cơ sở sản xuất bê tông tươi, cầu kiện bê tông đúc sẵn và kinh doanh vật liệu xây dựng của hộ kinh doanh bà Phan Thị Thoa tại xã Thanh Thủy	SKC	1,01	-	1,01	CLN	Xã Thanh Thủy	Tờ 10 (thửa 686 b, 686 c)	Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND huyện Thanh Hà Vv phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cơ sở sản xuất bê tông tươi, cầu kiện bê tông đúc sẵn và kinh doanh vật liệu xây dựng của hộ kinh doanh bà Phan Thị Hoa tại xã Thanh Thủy	1,01	-
156	Dự án xây dựng xưởng chiếu côi Tiên Kiều	SKC	0,16	-	0,16	CLN	Xã Thanh Hồng	Tờ 7 (thửa 658), tờ 8 (thửa 350)	Văn bản ngày 11 tháng 9 năm 2012 của UBND huyện Thanh Hà về chấp thuận dự án xây dựng xưởng sản xuất chiếu côi Tiên Kiều	0,16	-
3	Đất sản xuất VL xây dựng, làm đồ gốm	SKX	19,99	0,00	19,99					19,99	0,00
157	Vùng nguyên liệu của nhà máy sản xuất gạch Tuynel (Công ty cổ phần thương mại, sản xuất và xây dựng Phương Hoàng)	SKX	13,15	-	13,15	HNK, CLN, NTS	Xã An Phượng	Tờ 6, 7, 10, 11	Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh V/v quyết định chủ trương đầu tư	13,15	-
4	Các khu vực sử dụng đất khác	NKH	6,84	0,00	6,84					6,84	0,00
158	Đầu tư phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, kết hợp trồng cây ngắn ngày tại bãi ngoài đê tả sông Thái Bình	NKH	1,34	-	1,34	HNK	Xã An Phượng	Tờ 10 (thửa 1,56,57,60....)	Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh Hải Dương V/v phê duyệt chủ trương phát triển chăn nuôi thủy sản kết hợp trồng cây ngắn ngày Bãi ngoài đê tả Thái Bình	1,34	-
159	Mở rộng dự án đầu tư phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây khu Đồng Dím	NKH	5,50	-	5,50	CLN, HNK	Xã An Phượng	Tờ 3 (thửa 184, 331, 333, 460, 547...)	Nghị quyết phiên họp thứ 4/NQ-ĐU ngày 08/01/2020 của BCH Đảng bộ xã An Phượng Vv nhất trí chủ trương chuyển mục đích	5,50	-